

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HS-PT

Ngày: 15/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Các Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Hương Nhu

Bà Phạm Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Văn Đại - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 69/2022/TLPT-HS ngày 08 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo Bùi Văn L, do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Quách Thị H và kháng cáo của bị hại bà Bùi Thị N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2022/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo bị kháng cáo: **Bùi Văn L**, sinh năm 1996 tại Hải Dương; hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn X, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C và bà Quách Thị H; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo có kháng cáo: Bà Quách Thị H, sinh năm 1976, địa chỉ: thôn X, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Người bào chữa: Bà Ngô Thị Xuân B - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bị hại có kháng cáo: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn TL, xã S, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị D- Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 16/9/2021, Bùi Văn L cùng với Bùi Văn H1 đều ở thôn X, xã K, huyện T đi xe đạp (mỗi người đi một xe) đến thôn TL, xã S để rủ H2 (tên gọi khác là H3) đi làm. Do không biết nhà H2 nên H1 bảo L đi vào nhà dân mượn điện thoại để gọi. H1 đứng chờ ngoài đường một lát rồi về đi làm, còn L vào nhà bà Bùi Thị N ở thôn TL, xã S, huyện T hỏi mượn điện thoại để gọi cho bạn nhưng bà N không đồng ý. L đạp xe bỏ đi. Trên đường đi, L nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của bà N để nghe nhạc nên quay xe lại. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, L đạp xe đến dựng trước cửa nhà bà N, đi vào trong nhà thấy bà N vẫn ngồi ở ghế cạnh bàn may, tay phải cầm điện thoại, L đi đến dùng tay phải giật 2 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo và Iphone 6 plus được dán bởi loại ốp dạng ví da màu vàng bên trong có số tiền 791.000 đồng. Do hai bên giằng co chiếc điện thoại nên bà N ngã xuống nền nhà (không bị thương tích). L cầm điện thoại chạy nhanh ra xe đạp để vào giỏ xe, đạp xe đi về hướng xã K, huyện T thì bị chị Lê Thị H4 và anh Vũ Tiến H5 đuổi theo giữ lại trình báo công an xã và lập biên bản, thu giữ vật chứng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐGTS ngày 24/9/2021, Hội đồng định giá tài sản - UBND huyện Thanh Hà kết luận: 01 điện thoại Oppo màu xanh đen trị giá 800.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 6S Plus màu vàng trị giá 2.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 433/KLGĐ ngày 31/12/2021, Viện pháp y tâm thần trung ương - Bộ y tế kết luận: Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định, đối tượng Bùi Văn L bị bệnh chậm phát triển tâm thần vừa. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F71. Tại các thời điểm trên, đối tượng hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2022/HS-ST ngày 28/4/2022, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà đã căn cứ điểm g khoản 2 Điều 171, điểm s, q, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Tuyên bố bị cáo Bùi Văn L phạm tội Cướp giật tài sản; Xử phạt bị cáo Bùi Văn L 33 (ba mươi ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án. Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/5/2022, người đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Quách Thị H và bị hại là bà Bùi Thị N đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo L được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Quách Thị H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo L được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương để gia đình có điều kiện chăm sóc, giáo dục bị cáo.

Người bào chữa đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ ông nội bị cáo được tặng thưởng huân chương tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo, giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị: chấp nhận kháng cáo của bị hại, giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Sau khi phân tích các tình tiết trong vụ án xác định cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Bùi Văn L về tội Cướp giật tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự và áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, q, p, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm g khoản 2 Điều 171, điểm s, q, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo và kháng cáo của bị hại. Sửa bản án hình sự sơ thẩm, xử phạt bị cáo Bùi Văn L 33 tháng tù cho hưởng án treo về tội Cướp giật tài sản, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Về án phí: Người đại diện hợp pháp của bị cáo và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo và kháng cáo của bị hại trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bị cáo Bùi Văn L và bị hại bà Bùi Thị N vắng mặt

tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị cáo L và bị hại bà N.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận định giá và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 16/9/2021, tại nhà bà Bùi Thị N ở thôn TL, xã S, huyện T, tỉnh Hải Dương, Bùi Văn L đã có hành vi dùng tay phải giật 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus và số tiền 791.000 đồng của bà Bùi Thị N. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bà N là 3.591.000 đồng. Bị hại là người khuyết tật nặng, dạng vận động (bị teo chân trái và tay trái), đi lại phải nhờ xe lăn hoặc chống nạng nên khi bị chiếm đoạt tài sản, bị hại không có khả năng tự vệ hoặc khó có khả năng giành giật lại tài sản. Do vậy, hành vi của bị cáo Bùi Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*” thuộc trường hợp “*Phạm tội đối với người không có khả năng tự vệ*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo L về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về tội danh bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân không kháng nghị.

[3] Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo và kháng cáo của bị hại thấy:

Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và áp dụng cho bị cáo được hưởng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo là người khuyết tật nặng; khi phạm tội, bị cáo có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s, h, p, q khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo L là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị cáo xuất trình tài liệu thể hiện ông nội bị cáo được tặng huân chương nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo là người khuyết tật nặng, cần có người chăm sóc thường xuyên, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận

một phần kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo và bị hại, sửa bản án hình sự sơ thẩm, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[4] Về án phí: Kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo bà Quách Thị H và kháng cáo của bị hại bà Bùi Thị N; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2022/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

2. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 171, điểm s, q, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn L phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn L 33 (ba mươi ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Bùi Văn L cho UBND xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo L có trách nhiệm phối hợp với UBND xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Bà Quách Thị H là người đại diện hợp pháp của bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 15/7/2022.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Thanh Hà;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Cơ quan CSĐT, HSNV, THAHS-Công an huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: VP, Tòa, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh